

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ VÀ ĐỊA CHÍNH HÀ NỘI**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ VÀ ĐỊA CHÍNH HÀ NỘI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HA NOI DESIGN CONSULTANCY AND CADASTRAL CORPORATION

Tên công ty viết tắt: HA NOI DCC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109778750

**3. Ngày thành lập:** 15/10/2021

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 17 ngõ 133 Thái Hà, Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0979842404

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                      | Mã ngành |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét                                                                                | 0810     |
| 2.  | Xây dựng nhà để ở                                                                                              | 4101     |
| 3.  | Xây dựng nhà không để ở                                                                                        | 4102     |
| 4.  | Xây dựng công trình công ích khác                                                                              | 4229     |
| 5.  | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                     | 4299     |
| 6.  | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                              | 4312     |
| 7.  | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                          | 4321     |
| 8.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                          | 4322     |
| 9.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                 | 4330     |
| 10. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                | 4659     |
| 11. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                        | 4663     |
| 12. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (trừ vàng miếng)                                            | 4719     |
| 13. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                 | 4933     |
| 14. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt                                                       | 5221     |
| 15. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ                                                        | 5225     |
| 16. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Trừ tổ chức các hoạt động vận tải hàng không và hoa tiêu) | 5229     |
| 17. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                      | 5510     |
| 18. | Cơ sở lưu trú khác                                                                                             | 5590     |
| 19. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                               | 5610     |

|     |                                                                                                                                                                                                                  |             |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 20. | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>Chi tiết: Kinh doanh bất động sản                                                                                       | 6810        |
| 21. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết:<br>- Dịch vụ tư vấn bất động sản;<br>- Dịch vụ quản lý bất động sản;<br>- Môi giới bất động sản;<br>- Sàn giao dịch bất động sản. | 6820        |
| 22. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan                                                                                                                                                              | 7110(Chính) |
| 23. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                                                                   | 7410        |
| 24. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>(Trừ: Hoạt động của những nhà báo độc lập; Thanh toán hồi phiếu và thông tin tỷ lệ lượng; Tư vấn chứng khoán)                         | 7490        |
| 25. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                                                                                                                                   | 7730        |
| 26. | Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan                                                                                                                                                                            | 8130        |
| 27. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                        | 8230        |
| 28. | Đào tạo trung cấp                                                                                                                                                                                                | 8532        |
| 29. | Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                          | 9329        |

**6. Vốn điều lệ:** 1.700.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông          | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức                    | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|----------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | NGÔ QUANG<br>HUY     | 25 Trần Hữu<br>Tước, Phường<br>Nam Đồng, Quận<br>Đống Đa, Thành<br>phố Hà Nội, Việt<br>Nam            | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 102.000       | 1.020.000.000            | 60,000       | 0010920223<br>81                                                                                                       |            |
|     |                      |                                                                                                       | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                       | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                       | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                       | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                       | Tổng số                            | 102.000       | 1.020.000.000            | 60,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                       |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |
| 2   | NGUYỄN<br>QUANG TIẾN | Số 8/564/12<br>Nguyễn Văn Cừ,<br>Phường Gia<br>Thuy, Quận Long<br>Biên, Thành phố<br>Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 51.000        | 510.000.000              | 30,000       | 0190820013<br>05                                                                                                       |            |
|     |                      |                                                                                                       | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                       | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                       | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                       | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                       | Tổng số                            | 51.000        | 510.000.000              | 30,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                       |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |

|   |               |                                                                          |                           |        |             |        |          |
|---|---------------|--------------------------------------------------------------------------|---------------------------|--------|-------------|--------|----------|
| 3 | TRƯƠNG THỊ HẠ | Thôn Phương Quan, Xã Vân Côn, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 17.000 | 170.000.000 | 10,000 | C1735947 |
|   |               |                                                                          | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000  |          |
|   |               |                                                                          | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000  |          |
|   |               |                                                                          | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000  |          |
|   |               |                                                                          | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000  |          |
|   |               |                                                                          | Tổng số                   | 17.000 | 170.000.000 | 10,000 |          |
|   |               |                                                                          |                           |        |             |        |          |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |             |                                                                      |              |            |                                                                         |           |                                                                                                               |         |

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGÔ QUANG HUY

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 30/08/1992

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001092022381

Ngày cấp: 30/07/2019

Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH

Địa chỉ thường trú: Cụm 1, Xã Võng Xuyên, Huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: 25 Trần Hữu Tước, Phường Nam Đồng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội